

English 12

Unit 13: The 22nd SEA Games

* VOCABULARY

- clear /kliə(r)/ (v): nhảy qua
- composed /kəm'pouz/ (a): gồm có; bao gồm
- countryman /'kʌntrɪmən/ (n): người đồng hương
- deal /di : l/ (n): sự thoả thuận
- enthusiast /ɪn'ju:ziist/ (n): người say mê
- defend /di'fend/ (v): bảo vệ
- milkmaid /'mɪlkmeɪd/ (n): cô gái vắt sữa
- outstanding /aʊt'stændɪŋ/ (a): xuất sắc, nổi bật
- overwhelming /əʊvə'welmiŋ/ (a): lớn, vĩ đại
- podium /'pɒdiəm/ (n): bục danh dự
- pole vaulting /pəʊl/ 'vɔ : ltuŋ/ (n): nhảy sào
- precision /pri'si:ʒn/ (n): độ chính xác
- rival /'raɪvəl/ (n): đối thủ
- scoreboard /'skɔ : bɔ : d/ (n): bảng điểm
- title /'taɪtl/ (n): danh hiệu, tư cách, đầu đề
- spirit /'spɪrɪt/ (n): tinh thần
- peace /pi:s/ (n): hoà bình
- solidarity /səli'dærəti/ (n): đoàn kết
- co-operation /kəʊ,ɔpə'reɪʃn/ (n): sự hợp tác
- development /di'veləpmənt/ (n): phát triển
- wrestling /'reslɪŋ/ (n): môn đấu vật
- basketball /'bɑ:skɪtbɔ:l/ (n): bóng rổ
- volleyball /'vɒlibɔ:l/ (n): bóng chuyền
- badminton /'bædmɪntən/ (n): cầu lông
- body-building (n): thể dục thể hình
- athlete /'æθli : t/ (n): lực sĩ, vận động viên
- energetic /,enə'dʒetɪk/ (a): mạnh mẽ

- propose /prə'pouz/ (v): đề nghị
- rank /ræŋk/ (v): xếp vị trí
- host /həʊst/ (v): tổ chức, (n): chủ nhà
- pullover /pulouvə/ = jersey /'dʒə:zi/(n):áo len chui đầu
- disease /di'zi:z/ (n): căn bệnh
- acknowledge /ək'nɒlɪdʒ/ (v): thừa nhận
- improve /im'pru:v/ (v): cải tiến, cải thiện

A. Reading (Page 138-139-140- English12)

Before you read

Work in pairs. *Look at the picture. Ask and answer the following questions. (Làm việc theo cặp. Nhìn vào tranh. Hỏi và trả lời các câu hỏi sau.)*

1. What event was it?

=>.....

2. Where do you think the event took place?

=>

While you read

Read the passage and do the tasks that follow.

The 22nd Southeast Asian Games were held in Vietnam from the 5th to 13th December, 2003. Although it was the first time Vietnam hosted such a big sports event, the Games were a great success. The Games really became a festival that impressed sports enthusiasts with its spirit: solidarity, co-operation for peace and development.

Athletes from 11 participating countries competed in 32 sports, and 444 gold medals were won. Some teams such as table tennis, badminton, karatedo, volleyball, basketball and wrestling were composed of top competitors in the region. Many Games records were close to international levels. Vietnam won 158 gold medals to finish at the top of the Southeast Asian Games medal standings. Thailand was ranked second with 90 golds, and Indonesia was third with only 55 golds. Singapore and Vietnam were the two nations which had participants who were presented with the Most Outstanding Athlete titles in the Swimming and Shooting events. The Vietnamese Women's Football team successfully defended the SEA Games title. The Men's Football team won a silver medal. In other sports such as karatedo, athletics, bodybuilding and wushu, the young and energetic Vietnamese athletes performed excellently and won a lot of gold medals.

Vietnam's first place finish was not surprising. Firstly, to prepare for the 22nd SEA Games, Vietnam carried out an intensive programme for its athletes, which included training in facilities, both home and abroad. Secondly, with the strong support of their countrymen, the Vietnamese athletes competed in high spirits. The

country's success has proved that Vietnam can organize sporting events on an international level. A plan has been proposed for Vietnam to host the Asia Sports Games at some point in the future.

Task 1. Give the Vietnamese equivalents to the following words and phrases.

1. sports enthusiast:	4. bodybuilding:
2. solidarity:	5. high spirits:
3. title:	6. countrymen:

Task 2. Scan the passage and complete each of the following sentences.

1. the 5 th to 13 th December, 2003	2. 90 golds
3. the Swimming and Shooting events	4. some point in the future

Task 3. Answer the questions.

1. What was the spirit of the 22nd SEA Games?

=>.....

2. How many gold medals were won at the SEA Games?

=>

3. Which Women's Football team defended the SEA Games title?

=>.....

4. Which Men's Football team won the gold medal?

=>.....

5. Why was Vietnam's first place finish not a surprise to everyone?

=>

E. Language Focus (Page 145-146-147 –English 12)

I. Pronunciation: Linking

Practise reading these sentences. Make sure you link the words together as shown.

1. LookUat these pictures.

2. The plane tookUoff despite the fog.

3. Mrs. Brown's quite old.
4. She's from Australia.
5. She has many friends in London.
6. It upstairs.
7. Tom used to live here.
8. Put on your helmet, please.
9. I want to move to the new flat with some friends.
10. Don't forget to turn off the lights.

II. Grammar

Double Comparison (So sánh kép)

1. So sánh tăng tiến (càng ngày càng): comparative + and + comparative

Dạng so sánh tăng tiến được dùng để diễn tả sự việc tăng dần hoặc giảm dần một cách liên tục.

- “er and er” và “more and more” được dùng để diễn tả sự tăng dần.

Ex: - Betty is younger and younger. (Betty càng ngày càng trẻ)

- Her story was more and more attractive. (Câu chuyện của cô ấy càng ngày càng hấp dẫn)

- “Less and less” được dùng để diễn tả sự giảm dần.

Ex: He became less and less interested in politics. (Anh ấy càng ngày càng ít quan tâm đến chính trị)

2. So sánh đồng tiến (càng ... càng): the + comparative, the + comparative

Ex: - The older I get, the happier I am. (Càng già tôi càng vui)

- The more dangerous it is, the more I like it. (Càng nguy hiểm tôi càng thích)

- “More” có thể dùng với danh từ: The more electricity you use, the higher your bill will be. (Bạn càng sử dụng nhiều điện thì hóa đơn của bạn càng cao)

LÀM BÀI TẬP TRONG SGK page 145-146-147

Exercise 1. Match a half-sentence from box A with a suitable half-sentence from box B.

Exercise 2. Complete each of the following sentences, using the structure comparative + *and* + comparative ...

Example:

It is becoming to find a job. (hard)

=> It is becoming *harder and harder* to find a job.

Exercise 3. Complete each of the following sentences, using the structure: *the* + comparative, *the* + comparative. Choose a suitable half-sentence from the box.

Example:

The earlier we leave

=> The earlier we leave, *the sooner we will arrive*.

* **More practice:** Complete the sentences using the correct form of the adjectives or adverbs in brackets (Hoàn thành các câu bằng cách sử dụng dạng đúng của tính từ hoặc trạng từ trong ngoặc)

1. Mary is (pretty) as her sister.
- 2 A new house is (expensive) than an old one.
3. His job is (important) than mine.
4. Of the four ties, I like the red one (well)
5. Nobody is (happy) than Miss Snow.
6. Today English is the (international) of languages.
7. John is much (strong) than I thought.
8. Benches are (comfortable) than arm-chairs.
9. Bill is (good) than you thought.
10. Mr Bush is the (delightful) person I have ever known.
11. Bill is (lazy) and (lazy)
12. It becomes (hard) and (hard) to find a job.
13. As the conversation went on, he became (talkative)
14. As I waited for my interview, I became (nervous)
15. Is the book (interesting) than the one you read last week?